TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày: 13-03-2019
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28/02/2019 và ngày 13/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLPT-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc *"Tranh chấp cam kết nghĩa vụ trả nợ và hợp đồng mua bán tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2019/QĐ-PT, ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt C, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 09, Lê Hồng P, phường An T, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Việt C: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T, thị xã Hồng N, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phạm Hoàng Đ là luật sư – Công ty luật hợp danh Anh Em Luật Sư – Chi nhánh Đồng Tháp thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt phần tuyên án).

Bị đơn: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp;

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cao Lãnh - thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp 6, xã Tân Hội T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1958; địa chỉ: đường số 2, khu phố 7, phường Trường T, quận Thủ Đ, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp 4, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 30/10/2018) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Tân Thuận T, thành phố Cao L, Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: đường số 2, khu phố 7, phường Trường T, quận Thủ Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp 4, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Việt C trình bày:

Từ năm 2010, thông qua sự giới thiệu của ông Huỳnh Văn S nên ngày 15/11/2010 ông Nguyễn Việt C và ông Nguyễn Thanh L có thỏa thuận hợp tác hùn vốn để nuôi cá tra. Cụ thể ông C là người hùn tiền, ông L là người trực tiếp thực hiện việc mua, bán và kiểm tra phẩm chất kỹ thuật, cung cấp giá mua, bán cá thực tế và thanh toán các chi phí trong quá trình mua, bán cá. Ông S có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của các hợp đồng mua, bán cá mà không hùn vốn. Nếu có lợi nhuận sẽ chia ông L 40%, ông C 40%, ông S 20%. Theo biên bản thỏa thuận ngày 04/12/2010 ông C đã giao cho ông L số tiền như sau:

- Ngày 01/12/2010, ông L nhận 500.000.000 đồng.

- Ngày 03/12/2010, ông L nhận 300.000.000 đồng.

- Ngày 08/12/2010, ông L nhận 693.000.000 đồng.

- Ngày 10/12/2010, ông L nhận 200.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.693.000.000 đồng. Tất cả các lần nhận tiền thì ông L đến nhà ông C nhận, có lập biên bản và ký tên.

Sau khi hợp tác thì ông L có tiến hành thu mua cá 02 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ông L nhận tiền 800.000.000 đồng của ông C vào ngày 01/12/2010 và ngày 03/12/2010.

Lần 2: Ông L sử dụng số tiền 893.000.000 đồng nhận của ông C vào ngày 08/12/2010 và ngày 10/12/2010 để tiếp tục mua cá.

Trong hai chuyến mua bán cá giống nêu trên đều có lời. Ngày 19/01/2011, ông L ký xác nhận bảng kê qua 02 đợt mua, bán cá lợi nhuận 288.227.500 đồng. Sau đó, ông C và ông L không còn hợp tác nữa, ông C yêu cầu tổng kết lãi lỗ các khoản hợp tác nhưng ông L không thực hiện. Ông C đòi tiền ông L nhiều lần thì ông L trả được cho ông C số tiền 800.000.000 đồng cụ thể như sau:

+ Ngày 17/12/2010 trả được 550.000.000 đồng;

+ Ngày 30/01/2011 trả được 150.000.000 đồng;

+ Ngày 17/02/2011 trả được 100.000.000 đồng;

Ngày 05/5/2011, ông L và ông C thống nhất lập biên bản ông L thừa nhận còn nợ ông C là 893.000.000đ và đồng ý trả vào hai đợt: đợt 1 vào ngày 21/5/2011 trả 400.000.000đ, đợt 2 vào ngày 04/6/2011 trả 493.000.000đ, đến nay ông L vẫn chưa trả tiền cho ông C.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông L cùng bà M trả 893.000.000đ và tính lãi suất 1,2% từ ngày 17/02/2011 đến khi giải quyết xong vụ kiện, tại phiên tòa rút lại phần yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu ông L cùng bà M trả 893.000.000đ.

Đối với yêu cầu của ông L yêu cầu ông C và ông S cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền mua thức ăn thủy sản là 132.700.000đ, ông C không đồng ý, nhưng tại phiên tòa ông C tự nguyện trả cho ông L số tiền là 132.700.000đ vì thấy hoàn cảnh của ông L đang khó khăn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Ông L thừa nhận ông có hùn vốn làm làm ăn mua bán cá tra giống với ông Nguyễn Việt C và ông Huỳnh Văn S là có thật, theo biên bản thỏa thuận hùn vốn 04/12/2010. Thời gian bắt đầu hùn vốn từ khi ký biên bản hùn vốn. Theo thỏa thuận, ông L hùn vốn 50%, ông C hùn vốn 50%, ông S không hùn

vốn, khi có lãi thì chia cho ông S 20%, số lãi còn lại thì ông C và ông L chia đôi. Nếu lỗ thì ông C và ông L chia đôi, ông S không phải chịu.

Thực hiện hợp đồng hùn vốn nói trên thì ông C và ông S đã hùn vốn 04 lần với số tiền 1.693.000.000 đồng, phía ông L đã hùn vốn vào hơn 2.000.000.000 đồng tiền mặt và 150 tấn thức ăn tương đương 1.500.000.000 đồng để đầu tư cho những hộ nuôi, theo thỏa thuận vốn đối ứng như biên bản hùn vốn. Để thực hiện việc hùn vốn thì mua cá giống có ông S và ông C chứng kiến. Riêng ông S cử ông Nguyễn Văn U; Địa chỉ: xã Mỹ N, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là cậu ruột của ông S theo ghe áp tải theo từng chuyến đi giao cá từ hầm mua cho đến nơi bán. Tổng cộng bán được 02 đợt cá, cho ông Sáu T và Công ty cổ phần An P được bao nhiêu tiền ông L không nhớ. Khi mua cá giống thì ông L là người tìm mối để mua, khi mua cá thì có mặt ông C, ông L và ông S, cậu ông S là ông Ú đi theo ghe áp tải. Ông L là người đứng ra bán cá cho ông Sáu T và Công ty An P và ông L là người nhận tiền.

Số cá giống còn lại khoảng 5.000.000 con giống do cá bệnh nên đem về hầm cá tại xã Tịnh T, thành phố Cao L để thuần dưỡng để qua mùa bệnh sẽ bán tiếp cho các Công ty theo hợp đồng đã ký. Các ao cá tại xã Tịnh T, thành phố Cao L là do ông L thuê tổng số 07 ao, giá thuê là 5.000.000 đồng/ao/tháng. Ông L thuê ao xuyên suốt tổng cộng 06 tháng. Ông L đứng ra trả tiền thuê ao xong. Ông L thuê ao của ai, diện tích bao nhiêu thì ông L không nhớ.

Ông L là người chịu trách nhiệm thuần dưỡng. Trong lúc thì ông S và ông C thường xuyên tới lui thăm các hầm cá này để thăm cá. Thấy cá bênh nhiều nên C đưa 02 kỹ sư thủy sản P và D, ông L không nhớ cụ thể họ tên đến để chăm sóc và điều trị cá. Thấy cá chết hơn 80% nên P và D bỏ về, báo với ông C, ông S. Riêng ông L hàng ngày đều báo số lượng cá chết cho ông C và ông S. Sau đó ông S và ông C xuống hầm cá kiểm tra lần cuối, thấy đúng như vậy ông S và ông C dùng thế lực và quyền lực đóng cửa đại lý thức ăn của ông L tại thị xã Hồng Ngự, việc này ông L có báo với Công an phường An T, thị xã Hồng N lập biên bản ghi nhận việc đóng cửa đại lý nói trên. Biên bản ghi nhận sự việc đóng cửa đại lý hiện nay được lưu trữ trong hồ sơ hình sự từ búc lục 01 đến 393.

Tổng số tiền mua, bán các đợt cá giống bao nhiêu ông Liêm không nhớ. Tiền thuốc điều trị cho cá, tiền thuê ghe vận chuyển cá, tiền nhân công các lần mua bán khoảng 1.700.000.000 đồng là do ông L bỏ ra. Tiền nhân công, tiền ghe vận chuyển thì ông L trả theo thói quen không làm biên nhận. Riêng tiền thuốc điều trị cá có hóa đơn nằm trong các búc lục từ 01 đến 393.

Sau đó, ông Sách và ông C điện thoại buộc ông L phải trả ngay 1.693.000.000 đồng thì mới mở cửa đại lý thức ăn. Ông L trả lời trên điện thoại rằng yêu cầu ông S và ông C ngồi lại quyết toán lãi, lỗ như thế nào thì mới thanh toán với nhau, đồng thời ông L yêu cầu ông S và ông C trả cho ông L 137.000.000 đồng tiền mua thức ăn cho ông L thì ông S và ông C tắt máy.

Sau đó, ông C nhắn tin nói yêu cầu ông L trả tiền không thì đừng về xứ Hồng N, vì sự đe dọa đó cũng số tài sản trong đại lý nên ông L chuyển vào tài khoản Ngân hàng của ông C 03 lần tiền:

+ Ngày 17/12/2010 trả 550.000.000 đồng;

+ Ngày 30/01/2011 trả 150.000.000 đồng;

+ Ngày 17/02/2011 trả 100.000.000 đồng;

Tổng cộng 800.000.000 đồng. Sau đó, ông Liêm gửi bản quyết toán qua đường bưu điện cho ông Nguyễn Việt C tại số 09 Lê Hồng P, nhưng hơn 01 tháng không thấy ông C trả lời. Đến tháng 3/2011 thì ông L bị cơ quan điều tra triệu tập điều tra việc ông C tố cáo ông L tội lừa đảo và bị bắt đến nay.

Tại phiên tòa, ông L không đồng ý theo yêu cầu của ông C. Do việc làm ăn nêu trên chưa 01 lần nào các bên ngồi lại quyết toán lãi lỗ với nhau. Vì vậy cho nên hôm nay ông L yêu cầu ông C và ông S cùng ngồi lại với ông L để quyết toán xem trong quá trình làm ăn theo hợp đồng hùn vốn lãi hay lỗ. Và đồng thời ông L yêu cầu ông C và ông S trả cho ông số tiền mua thức ăn thủy sản là 132.700.000 đồng. Về biên bản thỏa thuận và cam kết trả nợ, ông L cho rằng ông có ký tên vào biên bản thỏa thuận và cam kết trả nợ nhưng do bị cưỡng ép.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Bà M không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn vì bà M không biết gì về việc hùn vốn giữa ông C và ông L. Bà M yêu cầu không đưa bà tham gia vào vụ án này. Ngoài ra, bà M không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bản án sơ thẩm số 62/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 và Quyết định số 21/2018/QĐ-SCBSBA ngày 09/10/2018 về việc sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cao L tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C.

- Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 893.000.000đ (tám trăm chín mươi ba triệu đồng) cho ông Nguyễn Việt C.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh L và Nguyễn Thị M liên đới trả tiền lãi của số nợ 893.000.000đ (tám trăm chín mươi ba triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông L về việc yêu cầu ông C và ông S liên đới trả cho ông L số tiền mua thức ăn thủy sản là 132.700.000đ (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Việt C, ông C trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 132.700.000đ(một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M phải liên đới chịu 38.790.000đ (ba mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Thanh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.635.000đ (Sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.317.500 đồng (ba triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai số 0000353 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Ông L còn phải nộp thêm 3.317.500 đồng (ba triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

+ Ông Nguyễn Việt C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 19.400.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16300 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2018 bị đơn Nguyễn Thanh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim M có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Cao L.

- Ông Nguyễn Thanh L kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim M kháng cáo không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh L trả nợ cho ông Nguyễn Việt C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh L có bà Nguyễn Thị Kim M là người đại diện theo ủy quyền trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và yêu cầu hủy án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim M giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng ông Nguyễn Thanh L trả nợ cho ông Nguyễn Việt C.

- Phía nguyên đơn tiếp tục giữ nguyên nội dung khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Ý kiến của luật sư Đ bảo vệ cho nguyên đơn nhận định hợp đồng hùn vốn của ông C với ông L trong thực tế kinh doanh là có lãi, không bị lỗ, hai bên đã đối chiếu và chấm dứt hợp đồng, ông L thừa nhận nợ, viết cam kết trả nợ 893.000.000đ cho ông C là đúng sự thật, nhưng đến nay ông L chưa trả, ông L và bà M là vợ chồng đang làm nghề nuôi và bán cá giống chung với nhau, nên bà M phải có nghĩa vụ chung với ông L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm đã tuyên.

- Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề cập nhận định và đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông L về phần án phí, không chấp nhận kháng cáo của bà M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng (HĐ) hùn vốn mua bán cá tra ký kết ngày 04/12/2010 giữa ông C, ông L và ông S là có thật, được các bên thừa nhận, thực hiện theo HĐ này thì ông C đã có giao tiền hùn vốn cho ông L 04 lần bằng số tiền là 1.693.000.000đ có giấy biên nhận nhận tiền do ông L viết ký; ông L dùng tiền này thực hiện việc mua bán cá tra 2 đợt, tổng lãi là 288.227.500đ chưa chia, ông L có lập bảng kê ký xác nhận và các lời khai, biên bản thỏa thuận trả nợ của ông L ký tại cơ quan điều tra của Công an Tỉnh đều có xác định số tiền lãi này, nên ông L nại rằng tiền hùn vốn của ông C buôn bán bị lỗ là không đúng;

[2]. Ông L đã trả tiền vốn lại cho ông C 3 lần qua chuyển khoản Ngân hàng vào ngày 17/12/2010, 30/01/2011 và 17/02/2011 tổng cộng bằng 800.000.000đ; số tiền vốn còn lại 893.000.000đ chưa thanh toán, động thái này cho thấy ý chí ông L là đồng ý chấm dứt HĐ hùn vốn với ông C.

[3]. Theo bản thỏa thuận trả nợ ngày 05/5/2011 giữa ông L với ông C do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp lập tại cơ quan điều tra; bản cam kết trả nợ do ông L viết ký cùng ngày 05/5/2011, Biên bản đối chất ngày 28/7/2016 tại cơ quan Điều tra và Bản kết luận điều tra bổ sung số 08/KLĐTBS-PC44 ngày 27/10/2016 của cơ quan Điều tra Công an Đồng Tháp đều thể hiện rõ nội dung về số tiền vốn ông C hùn giao ông L nhận, mua bán 2 lần, tổng số tiền lãi, số tiền vốn đã trả, số tiền vốn còn lại ông L chưa trả đúng như số tiền đã nêu trên, ông L cam kết là sẽ thực hiện trả nợ cho ông C đúng như biên bản đã thỏa thuận và cơ quan Điều tra kết luận đây là giao dịch dân sự, có văn bản thông báo hướng dẫn ông C khởi kiện ra Tòa dân sự; các tài liệu trên có nội dung chứng minh 2 bên đã quyết toán HĐ hùn vốn, xác định rõ nghĩa vụ ông L còn đang nợ và phải trả nợ cho ông C số tiền là 893.000.000đ và ông C đã tự nguyện không yêu cầu chia hưởng tiền lãi; ông L nại rằng chưa quyết toán HĐ hùn vốn nên không có căn cứ xác định số tiền nợ, không đồng ý trả nợ theo yêu cầu ông C và kháng cáo cũng đề cập lại nội dung, yêu cầu này, không có chứng cứ mới, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông L và bà M.

[4]. Việc buộc bà M là vợ cùng liên đới với ông L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông C là có cơ sở, vì việc hùn vốn mua bán của ông C bà M biết và ông L và bà M cùng làm nghề nuôi, mua bán cá tra giống nhiều hầm nuôi hơn 20.000m^2 tại đất nhà của bà M ở ấp 4, xã Phương Trà và mua bán cá là tạo thu nhập chung cho vợ chồng, vậy nên buộc bà Mai có nghĩa vụ liên đới với ông L là đúng.

[5]. Đối với HĐ mua bán tài sản là thức ăn thủy sản theo yêu cầu tranh chấp phản tố của ông L, tuy không có HĐ văn bản, ông C, ông S không thừa

nhận có mua chung, trách nhiệm chung; nhưng cá nhân ông C thừa nhận và tự nguyện trả cho ông L toàn bộ số tiền này là đã đảm bảo được quyền lợi ông L và không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần được chấp nhận.

[6]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp sơ thẩm xác định "tranh chấp về cam kết nghĩa vụ trả nợ" là không đúng, mà đây được coi là "đòi lại tài sản", vì HĐ hùn vốn đã quyết toán, hai bên xác định nợ và nghĩa vụ trả nợ của ông L, ông L không trả là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật, cấp phúc thẩm cần thiết phải điều chỉnh xác định lại quan hệ pháp luật này cho đúng pháp luật.

[7]. Đối với ý kiến của luật sư Đức đề cập nhận định và đề nghị là phù hợp, nên được chấp nhận.

[8]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9]. Ông C đã rút một phần yêu cầu về phần tiền lãi đối với ông L, nên án sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết phần này là đúng pháp luật.

[10]. Án tuyên không chấp nhận phản tố của ông L về yêu cầu ông C và ông S liên đới trả nợ tiền mua thức ăn thủy sản là không chính xác, nên cấp phúc thẩm cần phải sửa cách tuyên này lại cho chính xác rõ ràng theo hướng là: Chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của ông L đòi tiền nợ bán thức ăn thủy sản, công nhận tự nguyện của cá nhân ông C trả tiền nợ mua thức ăn thủy sản cho ông L và ông C phải chịu án phí, ông L không phải chịu án phí phần này theo quy định của pháp luật.

[11]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận án sơ thẩm quyết định buộc ông L và bà M liên đới trả cho ông C số tiền nợ 893.000.000đ và công nhận tự nguyện của ông C trả cho ông L tiền mua thức ăn thủy sản 132.700.000đ là có căn cứ pháp luật; ông L kháng cáo từ chối nghĩa vụ trả nợ cho ông C, kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy án sơ thẩm và bà M kháng cáo yêu cầu không chịu trách nhiệm liên đới với ông L trả nợ là không có căn cứ, không được chấp nhận; riêng một phần kháng cáo về phản tố và án phí phần yêu cầu phản tố là có căn cứ, được chấp nhận. Tuy nhiên, án sơ thẩm cũng có phần sai sót về xác định quan hệ pháp luật và án phí, nên phải sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[12]. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và phải sửa án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 256, 428, 438 Bộ luật dân sự 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DS-ST ngày 21/9/2018, của Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt C đối với ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M. Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M cùng liên đới nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Việt C số tiền là 893.000.000đ(tám trăm, chín mươi ba triệu đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi của ông Nguyễn Việt C đối với ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh L. Công nhận tự nguyện của cá nhân ông Nguyễn Việt C có nghĩa vụ trả tiền nợ mua thức ăn thủy sản cho ông Nguyễn Thanh L số tiền là 132.700.000đ (một trăm, ba mươi hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án, thì phải chịu lãi cho người được thi hành án bằng mức lãi quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng số tiền, thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

6. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim M phải liên đới nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 38.790.000đ; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; số tiền tạm ứng án phí ông L nộp 3.317.500đ ngày 21/6/2018, theo biên lai số 0000353 và nộp 300.000đ ngày 18/10/2018, theo biên lai số 0000983, tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 300.000đ ngày 05/10/2018, theo biên lai số 0000902, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao L được chuyển nộp khấu trừ vào tiền án phí, ông L và bà M còn phải nộp tiếp số tiền là 34.872.500đ (Ba mươi bốn triệu, tám trăm, bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

+ Ông Nguyễn Việt C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.635.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 19.400.000đ nộp ngày 26/10/2017, theo biên lai số 16300 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao L, ông C còn được nhận lại số tiền là 12.765.000đ (mười hai triệu, bảy trăm, sáu mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Cao L;
- CCTHADS huyện Cao L;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương